

## BẢN LUẬN 10

Trong Sai biệt thứ tư, trên đã giải thích bảy chi Dẫn nhân, dưới đây giải thích năm chi Năng sinh và Sở sinh. Thể của Ái chi chỉ có Tham trong phiền não, Tham này tùy duyên chung hai quả bên trong bên ngoài, nhưng các luận phần nhiều đều lấy Ái duyên ngoại cảnh, do mê ngoại cảnh nên quả Tăng thượng ngu, vì duyên cảnh giới nên Thọ phát sinh.

Thủ chi, lấy chung tất cả phiền não làm tự thể. Thể của bốn Thủ như trước đã nói, chi này chỉ lấy toàn phần Năng thủ Sở thủ. Chỗ làm trong Thủ, là Thủ tùy thuận phiền não, không thủ lấy các pháp khác. Quyển 59 ghi: “Phải nói toàn cõi tất cả phiền não đều có thể kết sinh, Ái đã chỉ có Tham cho nên Thủ nhiếp chung hết với các phiền não, nhưng trong đây nói “duyên Tham của bốn Thủ làm Thủ chi”, đồng với kinh Thập Địa. Kinh Thập Địa ghi: “Ái tăng thượng gọi là Thủ”. Thành Duy Thức ghi: “Đối với nhuận nghiệp vị, sức Ái lực tăng trưởng thiên lệch”. Nói Ái như nước có thể tưới nhuần, phải luôn luôn tưới nước mới sinh mầm. Vả lại nương vào phần thứ nhất và thứ hai của hai chi Ái thủ, tuy trong Thủ chi nhiếp các phiền não, nhưng Ái nhuận là thù thán. Nói là Ái tăng trưởng, cho nên văn của kinh kia và luận này không trái nhau. Hai chi Ái thủ, thông với Hiện hành và Chứng tử, vì đều có thể thấm nhuần, Ái mong ở Thủ mà thành nhân duyên.

Trong Hữu chi, một là giải thích ba Hữu, hai là thuyết minh bảy Hữu. Cõi Dục có mười Hữu:

1. Tiền thời hữu, là sinh ở sát-na sau, chết ở sát-na trước, khoảng giữa của hai sát-na này gọi là Tiền thời hữu.
2. Nghiệp hữu, là Hành chi, vì Ái thủ thấm nhuần cho nên có thể có quả tương lai, gọi là Nghiệp hữu.
3. Tử hữu, là lúc một sát-na sau cùng khi chết.
4. Trung hữu, là sát-na sau khi chết sinh sát-na, khoảng giữa hai nẻo trước gọi là Trung hữu.
5. Sinh hữu, là khi thú hưởng sinh sơ vị một sát-na, năm thú hưởng còn lại đều có.

Còn lại năm Hữu là Thú hữu, năm Hữu này là tổng, năm Hữu trước là biệt, năm Hữu trước thông rộng, năm hữu sau Thể hẹp. Hữu trong Nghiệp hữu, không phải năm Hữu sau. “Hữu”, là Sở hữu, Thể tức là Dị thực, là một thứ Năng hữu của nghiệp gọi là Hữu. Ngoài ra đều là Sở hữu. Thành Duy Thức ghi: “Bắt đầu từ Trung hữu đến Bản hữu,

cho đến lúc chưa suy biến, đều là Sinh chi nhiếp”, cho nên Trung hữu này, trong Sở hữu nhiếp lấy. Cối Sắc có sáu Hữu, trừ ra bốn thú hưởng, cho nên Vô sắc hữu có năm Hữu. Lại nữa, trừ Trung hữu ra thì hiện tại Hữu chi này chỉ là Nghiệp chi, nói là trước hết khởi hành các phiền não nhiếp thọ. Thành Duy Thức ghi: “Ái thủ hợp chung thẩm nhuần, Năng dẫn nghiệp chủng và Sở dẫn nhân chuyển gọi là Hữu, vì đều có thể gần với quả Hữu hậu hữu”. Luận đó có ý nói, Hành và Thức... năm chi, là Ái thủ nhuần chuyển gọi là Hữu chi, Thể chỉ có Chủng tử, vì là sở nhuần, vì có thể sinh quả. Hiện tại luận tổng nói mười Hữu gọi là Hữu, Năng hữu Sở hữu hợp chung gọi là Hữu. Giải thích khắp các nghĩa của Hữu, không phải chỉ có giải thích nghĩa của Hữu chi. Hữu này chỉ có Nghiệp hữu đó là Hữu chi. Duy Thức hội ghi: “Có kinh luận chỉ nói Nghiệp chủng gọi là Hữu, Nghiệp chủng này có thể chánh chiêu cảm quả Dị thực”. Duy Thức hội kia lại ghi: “Lại có kinh luận chỉ nói năm chủng gọi là Hữu, là chủng thân cận sẽ sinh Thức của tương lai. Bảy Hữu của nó là Thể của năm thú hưởng vì có thọ dụng quả. Hữu trong thú phương tiện, là trung gian giữa hai thú, sáu thứ này là Sở hữu, nghiệp làm Năng hữu, vì có thể dẫn các Hữu cho nên hợp chung thành bảy Hữu. Tiên thời hữu, Tử hữu, Sinh hữu, tức là Ngũ thú hữu, nhưng thi thiết riêng biệt cho nên không có kiến lập.

Trong Sinh chi, một là giải thích riêng mười câu, hai là kết lược nghĩa. Bốn câu đầu nói Thai sinh và Noãn sinh; một câu kế nói Thấp sinh và Hóa sinh. “Thân phần đốn khởi”, là các chi phần sinh nhanh chóng, chính loài Hóa sinh, các căn sinh nhanh chóng, là các chi phần tay chân.. cũng vậy. Thấp sinh thì không như thế, là căn dần dần sinh. Chi phần khởi nhanh cùng với quyền trước nói Thai sinh, Noãn sinh và Thấp sinh, các căn dần dần khởi, cũng không trái nhau. Năm câu sau thông với bốn Sinh hữu. Uẩn đắc, là Thể của Uẩn khởi giới đắc, là Chủng tử của Uẩn. Tánh nhân duyên của Uẩn, Uẩn đắc hiện hành thành tựu Giới đắc, Chủng tử thành tựu Xứ đắc, thông với hiện chủng, còn lại là ba duyên thành tựu.

Trong Lược nghĩa có sáu câu. Tự tánh nhiếp hai câu Sinh và Xuất hiện. Sinh xứ vị nhiếp ba câu Đẳng sinh, Thú và Khởi. Sở sinh nhiếp một câu Uẩn đắc. Chỗ nhiếp của nhân duyên là nhiếp hai câu Giới đắc và Xứ đắc. Nhậm trì, Sở dẫn nhiếp một câu các Uẩn sinh khởi. Câu sinh y trì thì nhiếp mạng căn. Một câu Xuất hiện, ý nghĩa có thể hiểu.

Lão Tử chi có hai đoạn, một là giải thích Lão, hai là giải thích Tử. Lão chi có hai phần:

1. Giải thích riêng mười bảy câu.
2. Kết lược nghĩa.

Kết có mười câu, sáu câu đầu mỗi mỗi đều nhiếp một câu; câu thứ bảy Uy nghi biến hoại nhiếp năm câu, là câu thứ bảy đến câu thứ mười một; câu thứ tám “Vô sắc các căn biến hoại” nhiếp hai câu thứ mười hai và mười ba; câu thứ chín “Hữu sắc các căn biến hoại” nhiếp hai câu thứ mười bốn và mười lăm; câu thứ mười “thời phân đã qua, thọ lượng sắp hết” nhiếp hai câu thứ mười sáu và mười bảy.

Trong Tử chi có hai đoạn, một là giải thích riêng mười một câu, hai là kết lược nghĩa có bốn câu. “Nếu chết”, nhiếp hai câu đầu, là Thể đang khi chết. “Như phương pháp chết”, nhiếp câu thứ ba và thứ tư. Giải chi và Bất giải chi, là cách thức khi chết của năm nẻo. “Nếu chết khác nhau” nhiếp câu thứ năm và câu thứ sáu. “Giai vị sau khi chết”, nhiếp câu thứ mười một. “Tử ma nghiệp”, là Thể đang lúc chết, tác dụng của tử ma. Tử ma nghiệp này cũng là Tử sai biệt nhiếp. Hai chi Sinh tử này tùy chỗ thích ứng của nó mà năm Uẩn làm tánh, vì hiện hành khổ, chỉ có Thủ hiện hành cùng với Hữu hợp chung lại nói, hoặc thông với Chung tử. Thành Duy Thức luận ghi: “Từ Trung hữu đến Bản hữu, khi chưa suy biến đến nay, đều là Sinh chi nhiếp”. Trung hữu mạt vị, nếu khởi ái tâm, thì duyên quả tương lai mà khởi, vẫn là Sinh chi, do trước khi sắp chết, Ái và Thủ thấm nhuần Hữu, vì có thể có Trung hữu và sẽ sinh cho nên các giai vị suy biến gọi chung là Lão, khi thân hoại mạng chung mới gọi là Tử.

Trên giải thích môn Sai biệt thứ tư đã xong, sau đây giải thích môn Duyên khởi thứ đệ thứ năm. Luận có ba giải thích:

1. Trong chữ “lại nữa” thứ nhất, do tà hạnh khiến cho điên đảo..., có nghĩa là Thức, Danh sắc... năm chi đều y theo Hậu tế ngay năm cương vị hiện khởi của Sinh, Lão tử mà nói do năm chi, không phải nương vào năm chi tại Nhân vị mà nói, cho nên Thành Duy Thức ghi: “Tướng sai biệt của Nhân vị khó biết, nương vào quả vị tương lai mà lập riêng năm chi”. “Nếu y theo nghĩa này thì tâm điên đảo”, là tùy theo Nghiệp thức và Hiện tư gọi là Hành, chủng nghiệp gọi là Thức, vì nói Danh sắc chi kết sinh tương tục. Đối Pháp luận cũng ghi: “Do Danh sắc đã sinh rồi, được dự vào hữu tình chúng đồng phận số”. Luận kia nói vì Danh Sắc mới thọ sinh. Duy Thức hội ghi: “Nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi. Các căn viên mãn, là sáu Xứ chi. Hai cảnh thọ dụng, là Xúc chi và Thọ chi, Xúc dẫn Thọ sinh đều cảnh thọ dụng, nên Câu-xá ghi: “Danh tùy theo Xúc và Thọ”. Đam mê chấp trước, nghĩa là

duyên Ái hiện tại; mong cầu là duyên Ái vị lai, hợp chung gọi là Ái chi. Phiền não nuôi lớn, là Thủ chi. Trong đây chỉ nói nghiệp làm Hữu chi, như trước đã nói, các chi còn lại có thể hiểu. Nghĩa của Hữu, hợp chung nương vào ba Tể để phân rõ thứ tự. Vô minh, Hành và Thức, thì ở thời quá khứ. “Tâm điên đảo”, là Thức... năm loại, đều gọi là tâm, vì không là Thức, vì Thức làm chủ, do tà hạnh huân và phát, vì sẽ có thú sinh, cho nên tâm gọi là Điên đảo. Lược bỏ không nói chánh hạnh huân phát, căn cứ theo Ái thủ sau thắm nhuần Hữu nghiệp sau, thì biết đối với tiền tể cũng thắm nhuần hành tâm, cho nên lược bỏ không luận tiền tể. Ái, Thủ và Hữu chính là Danh sắc của nó kết sinh, bốn chi sau là Sinh lão tử của đời quá khứ làm thành. Duy Thức ghi: “Nhưng quả Sở sinh nếu tại vị lai vì sinh chán cho nên nói Sinh Lão tử. Nếu trong hiện tại, vì khiến cho biết rõ phần vị tương sinh mà nói Thức... năm loại”. Luận kia nói Thức chi mới nhập thai mẹ, thì luận này nói là Danh sắc, cho nên chỉ có bốn chi. Do hiện tại thọ phát sinh tham ái, phiền não nuôi lớn, sau đó có nghiệp, cho đến tương lai có Sinh lão tử. “Chỉ nói nhuận nghiệp mà không nói phát nghiệp”, vì căn cứ theo tiền tể mà biết phát nghiệp, điều này rất rõ ràng. Quá khứ thì nói là phát mà không nói nhuận nghiệp, hiện tại thì nói nhuận mà không nói phát, vị lai nói Sinh lão tử mà không nói Danh sắc, hiện tại thì nói Danh sắc mà không nói Sinh lão tử, hai cái đèn, hai cây đuốc, ảnh hiển liền biết. Muốn hiển nhân quả Tam tể không đoạn, khéo thuận Tiểu thừa, cho nên khởi nói như vậy.

2. Chữ “Lại nữa” thứ hai, chỉ y theo hai Tể mà kiến lập. “Nội thân duyên”, là Phát nghiệp dẫn sinh môn. “Cảnh giới duyên”, là Nhuận sinh quả khởi môn. “Khởi ngu ngã chấp”, là tương ứng với Si. “Hoặc nhân theo thử mà khởi bỉ”, là Bất cộng si. “Tức là tùy theo nghiệp kia mà phần nhiều khởi Tâm tư”, đây là Thức hiện hành. “Do nghiệp và Thức làm Trợ bạn”, là chủng thức, vì chỗ huân của nghiệp làm Trợ bạn. Chủng tử của Danh sắc... những thứ này đều gọi là Thức, cho nên có thể chiêu cảm ba Khổ trong tương lai:

a. Khổ do căn mới khởi, là hai căn thân và ý của Danh sắc mới khởi.

b. Khổ do căn viên mãn, là sáu Xứ.

c. Khổ do thọ dụng cảnh giới, là Xúc, tức là hợp chung lấy hai thứ Năng sinh Danh ngôn và Hữu phần.

Đúng lý ra phải có Thức Thọ hai quả, Thức gọi là chủng, cho nên trong quả không có, Thọ là ngoại thọ cho nên trong nội quả không có. Ái thì nhân theo Thọ mới được khởi, Thọ tiền tể thì nói không có, Thọ

hậu tế thì nói có, Xúc của tiền tế sau nói sẽ Thọ, mỗi mỗi đều mong Hữu riêng biệt. “Nương Xúc duyên Thọ phát khởi Ái”, là Ái chi, rộng khởi truy cầu các cõi dưới là Thủ chi.

“Do sự nghiệp môn”, môn là nguyên nhân, là các nghiệp như Tịnh hạnh, phụng sự vua. “Lợi dưỡng môn”, là ngôi, nằm, cày, cấy... Hai môn này là Dục cảnh bên ngoài khởi, gọi là Dục cầu. “Hoặc do giới cấm môn”, là chỗ giới cấm của tà nguyện. “Hoặc do giải thoát môn”, là Kiến thủ. Do hai môn đầu phát khởi Dục cầu bên ngoài. Do giới cấm môn phát khởi nội thân cầu bên trong, vì cầu thân được lạc quả trong tương lai. Do giải thoát môn khởi tà giải thoát cầu hữu nghĩa. sự nghiệp môn, là dục thủ. Lợi dưỡng môn, là Kiến thủ, vì lợi dưỡng, kiến chấp thù thắng. “Giới cấm môn”, là giới cấm thủ. “Giải thoát môn”, là ngã ngữ thủ, chấp đế, chấp trụ, chấp ngã tự tánh làm giải thoát. Nhân theo bốn Thủ này mà phát khởi ba cầu:

- a. Dục cầu, phần nhiều là cầu Ngũ dục.
- b. Nội thân cầu, tức là Hữu cầu, vì cầu tự thể.
- c. Tà giải thoát cầu, tức là Tà phạm hạnh cầu, vì cầu giải thoát.

“Khi khởi các thứ cầu này, thì khiến cho chỗ khởi trước hết là bốn Thủ, Phiền não và Nghiệp”, Nghiệp là Hữu chi, Vô minh làm duyên phát nghiệp, khiến cho quả tương lai sinh, Vô minh không phải là Hữu chi.

3. Trong chữ “lại nữa” thứ ba có ba đoạn: “Hữu tình Tự”, là hai chữ “lại nữa” ở trước, duyên khởi và nhiễm tịnh. Hiện tại luận này chỉ y theo người cầu tịnh mà nói. “Ưu thích thế gian thanh tịnh”, là không ưa thích xuất thế gian, ưa thích trời người cho nên gọi là thanh tịnh, nhưng ngu si cho nên cũng tạo Phi phước. “Hoặc khởi chỗ dẫn truy hối ăn năn”, là ưa thích thanh tịnh mà hối hận ăn năn Phi phước nghiệp, hoặc ngu si không hiểu nguyên nhân hối hận. “Ba nghiệp này là chỗ dẫn tâm tương tục trụ của Quán hỷ”, là chỗ huân thành chủng tương tục mà trụ của Quán hỷ tâm, tức là Thức chi, lấy Thức này làm nhân. Do Phi phước là nghiệp hạ; do Phước là nghiệp trung; do Bất động là nghiệp thượng. Đối với chỗ sắp sinh, cũng đều có thể chiêu cảm quả chủng của ba Khổ, gọi là Thức chi; Hiện hành gọi là Danh sắc, không nói Thọ, nghĩa căn cứ theo trước mà giải thích. “Ưu đấm cảnh giới”, là Thọ, Ái và Thủ, chính là ba nhân của Hữu, Sinh và Lão tử, dính mắc vào cảnh Hữu cũng được tên đó. Trong kinh Duyên Khởi giải thích đầy đủ thứ tự, sợ dài dòng không nêu.

Trong giải thích vấn nạn thứ sáu, có hai vấn đáp, ban đầu là trong

hỏi nghịch thứ tự. Như Thế Tôn nói: “Danh sắc mới đã diệt cùng với pháp thượng thủ”, đây là dẫn kinh làm chứng, trước hết quán Duyên khởi Sinh lão tử của hậu tế, là quả Danh sắc... của tiền tế. Từ trên đến đây tổng nói Danh sắc kết sinh, Thể của Danh sắc rộng, tổng nhiếp các chi khác, chỉ nói Danh sắc là đã nói các pháp khác xong.

Nói “danh sắc mới”, là chỗ tập hợp Chủng tử Danh sắc của tiền tế sau khi hiện hành, gọi đó là mới, nếu đã sinh khởi thì không gọi là mới. Nói “quán pháp”, là trước quả sau nhân, cho nên nói Sinh lão tử làm đầu, Danh sắc mới diệt làm thượng thủ. Kinh Duyên Khởi ghi: “Như bệnh, nhân của bệnh, bệnh diệt, lương dược”, cho nên nói là nghịch thứ tự. Sinh và Lão tử làm đầu.

Hỏi: Tại sao không nói Vô minh diệt làm thượng thủ? Đây là hỏi chỗ dẫn kinh kể trên nói Danh sắc làm thượng thủ diệt, tại sao kinh kia không nói Vô minh làm đầu tiên để diệt?

Đáp: “Nướng vào người có tâm giải thoát mà thi thiết...”, câu này có ý giải thích rằng, trước khi chưa nhập Thánh, mới ở Tư lương vị thứ nhất, thì trước hết thuận thứ lớp quán, trong Gia hạnh đạo nghịch quán thứ lớp, khởi bốn mươi bốn Trí, bảy mươi bảy Trí, nhập Kiến đạo thuận thứ lớp đoạn. Vô minh diệt tức là Hành diệt, y chỉ trong thân giải thoát của Vô học, thì Danh sắc hiện tại đặt ở trước, Thọ đặt ở sau Chủng tử của bốn chi, không thể làm nhân sinh các quả của Sinh lão tử trong đời vị lai. Đây là nói khổ nhân không thể sinh, sau đây là nêu bày do Thọ diệt thì Khổ vị lai không khởi, là người giải thoát khi hiện đang thọ cảnh, thì Ái và Tùy miên tức là Ái chi và Thủ chi, do Thánh đạo lực bạt trừ vĩnh viễn không khởi, gọi là Năng nhuận phiền não Tập đế vĩnh viễn diệt, vì nhân này đã vĩnh viễn diệt. Chủng tử Danh sắc... của Sở dẫn nhân trước sẽ không sinh quả, là các chi khác diệt. Câu nói này có ý nói tất cả Chủng tử của Danh sắc hiện tại không sinh quả tương lai, vì trước quán Khổ đế, cho nên lấy Danh sắc diệt làm thượng thủ. Diệt này do đâu? Do quán Khổ đế kia có thể thấm nhuần chỗ nhiếp Ái thủ... của Tập đế diệt, cho nên Chủng tử của Danh sắc... tương lai sẽ không sinh quả. Chủng tử của Danh sắc... là nhân duyên của Sinh và Lão tử trong đời vị lai, vì là Cận nhân duyên cho nên nói Danh sắc này diệt trước. Vô minh... thì xa, sau đó mới quán sát có thể thấm nhập nhân, cho nên không nói Vô minh làm thượng thủ diệt, vì chứng đắc Vô học rồi quán rằng: Do Thức không có cho nên Lão tử cũng không có. Ngoài ra thứ tự diệt khác, phải biết căn cứ theo đây.

Giải thích Từ thứ bảy, là trong giải thích nghĩa Duyên khởi, có

năm loại:

1. Nương vào chữ giải thích danh, là do phiền não làm duyên trói buộc, các nẻo niệm niệm sinh khởi cho nên gọi là duyên khởi.

2. Nương vào chữ mà khởi chữ, là giải thích Duyên khởi chữ cho nên gọi là Nương vào chữ.

3. Nương nghĩa sát-na để giải thích, là lựa riêng Duyên khởi là Vô vi của Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ..., cũng phá nghĩa bốn tướng trong một thời kỳ nhiều duyên quá khứ mà không xả lìa của Chánh Lượng bộ.

4. Nương phần vị, là mười chi trước làm Duyên, hai chi sau làm Khởi, các chi trước có đủ bốn thứ Nhân duyên, Tăng thượng duyên...

5. Tuy sát-na diệt lại nhập vào quá khứ, Chủng tử trong thân còn mà không xả lìa, cho nên y theo hậu quả sinh khởi của tự thân, hoặc mười hai chi, mỗi mỗi trước làm duyên, mỗi mỗi sau làm khởi.

“Cái này có cho nên cái kia có”, là hiển nghĩa Vô tác duyên sinh. “Cái này sinh cho nên cái kia sinh”, là hiển nghĩa Vô thường duyên sinh. “Không phải các pháp khác”, là chỉ do có duyên quả pháp mà có, không phải duyên có thật tác dụng có thể sinh quả pháp, cũng không phải Vô sinh pháp làm nhân. Pháp Sở sinh thiếu mà được thành lập hai thứ Vô tác và Vô thường làm duyên, không phải hai thứ tác dụng khác và Phi vô sinh làm nhân, cho nên nói không phải pháp khác. Đây là lựa riêng với Tự tại thiên... có thật tác dụng và kế chấp vô vi có thể làm duyên khởi để giải thích tên của nó.

Trong giải thích thứ tư, luôn luôn gặp duyên, luôn luôn duyên tương tục khởi, cho nên gọi là duyên khởi. “Đối với đời quá khứ, đã giác ngộ duyên tánh rồi thì bình đẳng tương tục khởi”, là khi mới chứng Bồ-đề, giác ngộ duyên đã ngộ, sau đó vì hữu tình mà bình đẳng phát khởi ngữ ngôn. Nguyên nhân phát khởi ngôn thuyết đó gọi là Duyên khởi, tự lợi gọi là Duyên, lợi tha gọi là Khởi, tức là nói nghĩa triển chuyển của pháp luân.

Trong nghĩa của bốn duyên thứ tám, có hai loại là bốn duyên và hai nhân. Thành Duy Thức luận ghi: “Các chi mong nhau, tăng thượng quyết định là Hữu, còn lại ba duyên không nhất định Hữu vô”. Trong kinh Duyên Khởi, y theo quyết định Hữu chỉ nói có một duyên, là Tăng thượng duyên. Ái mong Thủ, Hữu mong Sinh, là có nghĩa nhân duyên. “Nếu nói Thức chi là nghiệp chủng”, thì Hành mong Thức cũng làm nhân duyên, các chi khác mong nhau không có nghĩa nhân duyên. Nhưng Tập luận ghi: “Vô minh mong Hành mà có nhân duyên”, là y theo nghiệp tập khí của Vô minh gọi là Vô minh câu, cho nên mượn nói



là Vô minh, thật ra là Hành chủng.

Kết hợp các đoạn văn này nói: “Du-già luận nói các chi mong nhau không có nhân duyên”, là nương vào Ái thủ hiện tại thì chỉ nói có nghiệp hữu. Biệt Liệu giản ghi: “Vô minh mong Hành, Ái mong Thủ, Sinh mong Lão tử, có Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên”, đây là lấy Vô sắc mong Vô sắc chi. Hữu mong Sinh, Thọ mong Ái, không có Đẳng vô gián duyên, có Sở duyên duyên, đây là lấy Hữu sắc chi mong Vô sắc chi, còn lại các chi khác mong nhau, cả hai đều là Phi hữu. Đoạn văn này là tổng thuyết, đoạn văn kia là biệt hiển, nên như giải thích của văn kia.

“Hữu sắc mong Hữu sắc”, là Sắc trong Danh sắc mong năm Xứ, Nghiệp hữu mong Sắc sinh, Sắc sinh mong Sắc lão tử.

“Vô sắc mong Hữu sắc”, là Vô minh mong Sắc hành, Danh mong năm Xứ, Vô sắc sinh mong Sắc lão tử. Trong đây không nói Phi nghiệp hữu, cho nên không nói tới nó. Trong đây lại nương vào lân cận thuận thứ tự, không xen tạp nhau, thật ra thuyết duyên khởi khác với sự mong nhau này mà làm duyên bất định, các bậc thông tuệ nên như lý mà suy nghĩ.

Hỏi: Tại sao nói y theo nhân quả thể tánh mà kiến lập Duyên khởi...? Trong đây có ý hỏi nhân thông với bốn duyên, tại sao không có Nhân duyên?

Trong đây có ý đáp: Trong mười nhân, thì Dẫn phát nhân, Khiên dẫn nhân, Sinh khởi nhân, Định dị nhân và Đồng sự nhân không trái nhau, tuy có nhân duyên nhưng Định dị nhân của nó có tánh khác sinh, đồng sự không trái nhau, thể thì thông xa, ở đây lược bỏ không luận. Dẫn phát nhân, Khiên dẫn nhân và Sinh khởi nhân của nó thì tìm tên mà giải thích nghĩa, phải có nhân duyên, chỉ nương vào sự hiện hành mong nhau gọi là Dẫn phát nhân; y theo nghiệp tập khí trong Hành và Hữu của Nhuận vị và Vị nhuận vị mà nói, đó là Tăng thượng không phải Nhân duyên, không ngăn Ái chủng mong Thọ; Sinh chủng mong Lão tử làm Dẫn phát nhân, vì có nghĩa nhân duyên, cũng không ngăn Thức, Danh sắc... năm loại. Trong Vị nhuận vị mong Sinh và Lão tử, làm Khiên dẫn nhân. Thức... năm loại trong Hữu đã nhuận mong Sinh lão tử làm Sinh khởi nhân, vì có nghĩa nhân duyên và chỗ mong riêng biệt, cũng không trái nhau.

“Trong hai nhân Sinh và Dẫn, là Thức, Danh sắc... cho đến chỗ nhiếp các chi của Sinh vị và Lão tử vị làm Sinh nhân Sinh quả và Dẫn nhân Dẫn quả”, đây là nói Thức chi kết sinh tương tục, Năng dẫn Sở



dẫn đồng thời mà có quả quá khứ xa nhau, đều gọi là Dẫn nhân. Năng sinh cùng với quả hai đời riêng khác. Thân cận năng sinh chỉ gọi là Sinh nhân, Thành Duy Thức ghi: “Sinh gần chánh quả gọi là Sinh nhân, Dẫn xa tà quả gọi là Dẫn nhân”. Chỗ giải thích các môn đều như Duy Thức sơ kia nói. Ba tánh, mười nhân như Xu Yếu kia nói, luận này nói tạp nhiệm cho nên không trái với các luận khác.

Trong Phân biệt duyên thứ chín, lấy hai mươi bảy môn phân riêng:

1. Thứ nhất, mỗi mỗi chi nương vào hỏi mà phân biệt.

Vô minh có hai hỏi đáp: “Do có nghiệp tạp nhiệm và sức phiền não huân phát”, là sinh tạp nhiệm do nghiệp tạp nhiệm dấy khởi, nghiệp tạp nhiệm dấy khởi do phiền não tạp nhiệm, cho nên nói do nghiệp tạp nhiệm và sức phiền não huân phát. Thể của nghiệp là Hành, nhân thứ nhất tức là lấy Vô minh làm Thể, tuy các phiền não đều là nhân thứ nhất của nghiệp, nhưng Vô minh riêng có mười một sự thù thắng, cho nên nói thiên về nó. Nói Sở duyên... rộng như trong kinh nói. Câu-xá ghi: “Vô minh không nói có nhân, Sinh chi phải có bắt đầu, Lão tử không nói có quả, sinh tử phải có kết thúc. Từ Hoặc sinh ra Hoặc nghiệp, từ Nghiệp sinh ra Sự, từ Sự sự hoặc sinh ra Hữu chi”. Lý chỉ có luận này, cho nên mười hai chi vô tử luân hồi.

Hành hữu có ba hỏi đáp.

Hỏi: “Do không thông đạt nhân khổ của thế tục làm duyên phát khởi Phi phước hạnh...”, nghĩa là khổ của ba đường ác tương trạng dễ biết, gọi là Thế tục khổ. Khổ của trời người thì ẩn kín khó biết, là sở tri của Thánh trí, gọi là Thắng nghĩa khổ. Hoặc có người giải thích rằng: “Trong tám khổ, Đối Pháp luận nói bảy khổ đầu gọi là Thế tục khổ, khổ thứ tám gọi là Thắng nghĩa khổ”. Nếu theo luận này giải thích thì Hành khổ thứ tám đã thông với năm nẻo, đáng lẽ chỉ mê nẻo ác thì cũng khởi Phước nghiệp và Bất động nghiệp; bảy khổ trước đã thông với trời người, đáng lẽ chỉ mê nẻo thiện thì cũng tạo Phi phước nghiệp, vì Khổ khổ, Hành khổ và Hoại khổ, thông với năm nẻo. Do đây cho nên biết giải thích trước là hay khéo. Thắng nghĩa khổ của thế tục kia nương vào thô tế dễ biết khó biết riêng biệt mà nói. Thế tục thắng nghĩa khổ này thì nương vào cảnh phàm thánh tổng tương mà nói, cũng không trái nhau. Cận nhân của Phước nghiệp và Bất động nghiệp khởi chỉ là Thiện tư, Viễn nhân khởi thì lấy vô minh mà phát, vì mê quả tương lai, cho nên nói si làm duyên, hoặc Cận nhân của Phước nghiệp cũng lấy vô minh làm duyên, vì mê tương lai quả.

Đáp: Trong đây nói chung duyên của Phước nghiệp, Phi phước nghiệp và Bất động nghiệp, là ba thứ Bất thiện căn chỉ sinh tại Phi phước nghiệp; Si bất thiện căn thì thông với Phước nghiệp và Bất động nghiệp. Cho nên Duy Thức ghi: “Dưới hữu, vô minh có thể phát khởi Hành trên, nếu không như thế thì ban đầu chế phục nhiệm của các Địa dưới, thì chỗ khởi định của cõi trên đáng lẽ không phải Hành chi, vì Vô minh của Địa kia cũng chưa khởi, cho nên Si bất thiện căn phát chung ba nghiệp.

Hỏi: Phát nghiệp có trợ và chánh, nếu nói chánh thì không có trợ pháp, nhuận sinh thì có chánh và trợ, nếu nói chánh thì không có trợ pháp”?

Đáp: “Một nhân không mượn nhiều, nói chánh thì không có trợ pháp, dựa vào duyên thì phải mượn số, cho nên chánh và trợ đều bày ra”. “Nương vào phát tất cả hạnh duyên mà nói”, là không chỉ nói Thân hành Ngũ hành làm duyên, không nói Tư làm duyên, và nương vào Sinh thiện nhiệm ô tư làm duyên mà nói, cho nên nói Vô minh làm duyên, không nói Vô ký hành làm duyên, vì thân hành và ngũ hành chỉ có Vô ký, chỉ nói Vô minh phát các Hành, gần thì có thể phát ba hạnh thiện nhiệm của thân ngữ ý.

“Thức có thể làm Sinh nhân mới”, là do Thức nhập thai làm Sinh nhân mới. Tổng báo có thể làm duyên biệt báo, hoặc do Thức chủng làm thân cận nhân của Danh sắc, khiến cho mới sinh. Đây là nói nghĩa Danh sắc ban đầu kết sinh, căn cứ theo Thức cõi dưới nhập thai, trước đã nói là thiện. Lại nữa, nhân của ba cõi sinh thức thì phải khắp, cho nên luận này nói thiên về nó.

“Lại nữa, sáu Xứ thù thắng cho nên do sáu Xứ nhiếp hai loại”, là sáu Xứ nhiếp hai hoà hợp sáu Thức và sáu Căn, hoặc sáu Căn thì nhiếp Thức và pháp khác, cho nên trước nói là Cảnh, ở đây nói là Cảnh thông.

“Xúc là cận nhân của Cảnh kia”, Duy Thức ghi: “Chỗ thủ các tướng khả ý của Xúc rất gần nhau với chỗ thủ tướng nhiếp Thọ của Thọ, vì sự dẫn phát thù thắng”.

“Như lực của Thọ... cho nên đối với Cảnh tương tự”, hoặc là cầu hoà hợp, hoặc là cầu biệt ly, là Thọ cảnh tương tự với Ái cảnh, đối với cảnh Lạc thọ thì ưa cầu hoà hợp, đối với cảnh khổ thọ thì ưa cầu biệt ly, gọi là Tương tự cảnh, cho nên nói Ái lấy Thọ chi làm Cảnh. Vô minh thì chỉ đối với tướng sinh diệt của hai Thọ trong ngoài, không biết như thật, không thể chế phục tâm mà khởi thì không rõ hành tướng, Ái thì không thân thuận, không nói là duyên. hoặc xa do mê mà khởi Ái, thì

cũng có nghĩa duyên, không như sự thân cận của Thọ, cho nên luận nói là duyên.

“Do mong Sinh cho nên khi tìm cầu thì có thể phát Tùy miên”, là do Ái mong cầu thắng cảnh thì hoà hợp, ác cảnh thì biệt ly mà huân tập Chủng tử, phát thủ Tùy miên mà thuận với thủ và pháp, vì Ái và Thủ thù thắng cho nên nói Ái thủ làm duyên.

“Hỏi: Trước đã nói Vô minh làm duyên phát khởi nghiệp Hữu”, thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, đã nhuận và chưa nhuận, đều gọi là Hữu, vì có thể có quả. Hiện tại nương vào đã nhuận, có thể thân cận có quả mà riêng được tên là Hữu, khi chưa nhuận trở về trước, bắt đầu tạo tác chỉ có tăng thêm, gọi đó là Hành, nương vào nghĩa thù thắng hay dị mà mỗi mỗi đều có một tên. Hiện tại nương vào nghĩa chung cho nên nói Vô minh phát khởi nghiệp Hữu tức là Hành.

2. Thứ hai, trong phân biệt, “thứ ba là phiền não đạo”... Thành Duy Thức luận ghi: “Vô minh, Ái, Thủ, đó là chỗ nhiếp của Hoặc, tức là ba chi này. Hành có một phần, đó là chỗ nhiếp của nghiệp, tức là hai chi này. Duy Thức hội kia ghi: “Có chỗ nói toàn phần nghiệp nhiếp Hữu”. Phải biết luận đó nương vào nghiệp Hữu mà nói, cho nên Hội Đối Pháp ghi: “Có chỗ nói Thức là chỗ nhiếp của Nghiệp”. Luận đó nói nghiệp chung làm Thức chi, cho nên các chi khác là Khổ.

Đạo, căn cứ theo đây tức là bảy chi còn lại, lấy hợp chung với Hữu nói là Nghiệp đạo. Thành Duy Thức luận ghi: “Trong bảy chi, Hữu một phần, là chỗ nhiếp của Khổ, vì Thức... năm loại chuyển gọi là Hữu”.

3. Thứ ba, trong phân biệt nhân quả có hai loại. “Thứ nhất nương vào mười hai chi thứ tự mong nhau làm nhân quả. Chỉ có ba chi làm nhân, là Vô minh, Ái, Thủ, là Căn bản phát nghiệp nhuận sinh. Chỉ có hai chi làm quả, là Sinh và Lão tử, là chỗ sinh quả của mười chi trước, đây là nương trùng lên nhân quả của ba thứ tạp nhiễm và Chủng tử hiện hành, vì là chỗ mong riêng. Tổng tóm lược duyên sinh làm nhân quả, sơ lược có năm lớp:

a) Đẳng khởi môn, là các chi trước làm nhân, các chi sau làm quả, ngay câu thứ nhất, lớp thứ nhất chỉ có nhân.

b) Bốn mặt nhân quả, lớp thứ hai này cũng vậy, vì phiền não làm Căn bản, chỉ có ba làm nhân. Dưới đây cũng nói sáu chi trước và Ái, Thủ, Hữu là nhân phần, hai chi sau làm quả phần, Thọ thì thông với hai thứ, cũng y theo gốc ngọn để phân rõ nhân quả.

c) Nhân quả của Dị thực và Phi dị thực, quyển 56 ghi: “Lại nữa, chỗ nhiếp năm chi của quả hiện tại, và chỗ nhiếp hai chi của quả vị lai,

gọi chung là chỗ nhiếp duyên khởi của quả, phải biết các chi khác là chỗ nhiếp duyên khởi của nhân”. Trung Biên luận quyển thượng cũng ghi: “Nhân tạp nhiễm, là phiền não nghiệp phần; quả tạp nhiễm, là các phần khác”.

d) Nhân đã thành thực và chưa thành thực, là khi làm nhân thì có Năng dẫn và Sở dẫn, tức là bảy chi trước. Khi làm quả thì có Năng sinh và Sở sinh, là năm chi sau, là do Vô minh thành thực Ái và Thủ cho nên nhân kia tăng trưởng. Hành... sáu chi thành thực gọi là Hữu, hai chi Sinh và Lão tử là Sở thành thực.

e) Phần vị nhân quả, tức là Sinh nhân và Dẫn nhân nói trên, là Năng dẫn và Năng sinh hợp chung có mười chi gọi là nhân, hai chi sau làm quả, Duy Thức ghi: “Mười nhân hai quả quyết định không cùng đời”. Tuy các môn nói năm nghĩa không đồng, chỗ mong có khác, nhưng lý không trái nhau.

4. Thứ tư, “có ba chi là Độc tướng hành... là tạp tướng”, Thành Duy Thức ghi: “Vô minh, Ái, Thủ gọi là Độc tướng, vì không giao tạp nhau với các chi khác”.

“Các chi khác là Tạp tướng”, là có thể dẫn quả Ái và Phi ái, tức là Hành chi.

“Trước vị chưa nhuận gọi là Dẫn nhân”, và thú hưởng Năng sinh sai biệt, tức là Hữu chi, vì do Hành bị thấm nhuận cho nên chuyển gọi là Hữu, vì có thể sinh ra chi.

“Thức cùng với Danh sắc và một phần sáu Xứ có tạp tướng”, là hiển ba chi này có hai chủng xen tạp:

a. Môn thứ nhất xen tạp là khi hiện tại làm quả, thì xen tạp với quả vị lai.

b. Môn thứ hai xen tạp là khi hai chi nhân mong nhau thì tự thể cũng xen tạp.

Hỏi chính là sự này, tức là một Thức đắc Danh sắc và sáu Xứ, ba tên khác nhau, Xúc và Thọ không phải Thức cho nên không hỏi sự xen tạp.

“Nướng vào tạp nhiễm”, là Thức chi, văn trước đã nói, do tà hạnh cho nên khiến tâm điên đảo, Thức hiện tại điên đảo đã huân Chủng tử, tức là Danh sắc chi.

“Khi nướng vào nhuận”, tức là Chủng tử của Thức làm nhuận của Ái và Thủ.

“Kết sinh vị ban đầu”, gọi là Danh sắc chi.

“Khi nướng vào chuyển”, tức là khi sáu Căn của Danh sắc này

khởi, gọi là sáu Xứ chi, không phải toàn lục xứ... chỉ là Thức, mà đều có Thức, cho nên trở thành tạp.

“Hiển riêng Khổ tướng”, là Thức... năm loại sinh Hiện hành vị, hiển ba khổ tướng gọi là Sinh và Lão tử. Nhân khổ tướng hiện tại cũng chưa có thể hiển được, gọi là Thức... năm loại cho đến Hiện hành vị. Hiển chỗ dẫn sinh quả của năm loại này trước sau khác nhau gọi là Sinh và Lão tử, cho nên nói “và hiển dẫn sinh sai biệt”.

Trong giải thích, “duyên khởi thì hoà hợp khởi duyên khởi và duyên sinh”, là các Hành sinh khởi pháp tánh, gọi đó là duyên khởi. Có thể khiến cho các Hành sinh khởi pháp tánh thì gọi là Duyên khởi, Sở sinh gọi là Năng sinh, cho nên Đối Pháp ghi: “Nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sinh”.

5. Thứ năm, trong bốn Đế, đây là nói bảy chi đều là Khổ đế, đã nói còn lại năm chi, chỉ nói có Tập đế, vì muốn hiển thể của hai Đế sai biệt, không phải năm chi toàn là Tập đế. Thành Duy Thức ghi: “Đều là Khổ đế nhiếp, vì là thủ uẩn tánh, năm chi cũng là Tập đế nhiếp, vì là tánh của nghiệp phiền não. Bức bách nghĩa là khổ, tất cả đều là khổ, vì chiêu cảm Dị thực, là nghĩa của Tập, năm chi cũng là Tập đế.”

6. Thứ sáu, trong các chi mong nhau làm duyên có bốn đoạn: một là Thứ đệ làm duyên, hai là giải thích Hữu chi, ba là hỏi nghiệp nhiều hay ít, bốn là làm duyên rộng hay hẹp. Nói rằng do “vô tri trong tùy thuận các hành pháp”, thì Bất thiện ý hạnh gọi là Tùy thuận hạnh. Khi Vô minh đồng thời làm sát-na... khởi, cho nên gọi là đều có phú chương. Do năm ác kiến buông lung, tình phóng dật, tương ứng với vô tri, đây là duyên Kiến mà khởi, không phải duyên gần với Hành, cho nên cùng với thân ác hạnh và ngữ ác hạnh làm Vô gián duyên. Hoặc do Thân kiến và Biên kiến... tương ứng Vô tri làm Vô gián duyên thân cận mà dẫn các Hành. Nếu các thiện hạnh do Vô minh dẫn làm Cứu viễn duyên, do mê quả đó mà khởi hai Tư trước tiên, sau đó mới khởi Hành, cho nên trở thành diệt duyên lâu xa mà kiến lập quả tương lai, đây là nói nghĩa hai Hành sai biệt mà phát khởi, cũng được làm Câu hữu duyên với thiện hạnh. Sát-na đồng khởi, không phải chánh phát nghiệp, cho nên ở đây không nói, những nghĩa như vậy căn cứ theo đó phải biết.

“Hành và Thức làm Câu hữu duyên”, là Dị tánh chiêu cảm tập, Hành của hiện hành mong thức chủng kế sau làm Vô gián duyên, không phải Chủng tử Hiện hành hằng đồng thời với Hữu. Thức mong Danh sắc... đều nương vào quả vị Hiện hành tương lai mà nói, nếu không như thế thì chỉ nên có Câu hữu duyên.

“Thọ mong Ái làm duyên diệt lâu xa”, là do sau khi thọ cảnh mà khởi Ái nhuận, quả tương lai sinh, cho nên gọi là kiến lập tương lai nan giải thoát... Ái mong thủ làm câu hữu duyên.

“Nói rằng do tham đồng thời với Hành, dục lạc kiến lập trong Tùy thuận thủ pháp”, là Ái và Năng thủ thật ra không đồng thời, là chỗ làm Thủ của Sở thủ, nhân duyên của Thủ và Ái đồng thời có, cho nên Ái mong Thủ trở thành Câu hữu duyên, Thủ mong Hữu làm thành ba duyên.

“Lại nữa, có thể dẫn phát công năng của quả kia làm Cửu viễn duyên”, đây là mong quả mới sinh, không phải quả tương tục sau đó, khi sắp chết thì Ngã ái mong các cõi mới khởi, có khoảng cách ngay khi chết một niệm, cho nên làm Cửu viễn duyên, Hữu mong Sinh làm thành ba duyên.

“Nói rằng huân và phát Chung tử”, là do trước kia nghiệp huân Chung tử của Thức... hiện tại gọi là hữu mà sinh ra hiện quả cho nên thành Câu hữu.

“Tuy diệt đã lâu mà quả chuyển”, là như Hữu mới nhuận mong quả mới sinh mà chuyển, thì thành Cửu viễn diệt duyên và dẫn phát duyên, là khoảng cách ngay lúc chết.

Trong Hữu chỉ có hai loại: một là chỉ có Nghiệp hữu, hai là sáu thứ làm Hữu. Do thủ thãm nhuận chuyển gọi là Hữu, xứng đáng làm nhiếp thọ.

“Ngay nghiệp dụng này và trong mỗi Sở hành cảnh riêng biệt, như chỗ thích ứng chỗ có nghiệp dụng...” Đối Pháp luận ghi: “là Vô minh chỉ có hai thứ nghiệp, một là khiến cho các hữu tình ngu si đối với Hữu, hai là cùng với Hành làm duyên cho đến Sinh”. Có hai loại nghiệp: một là khiến cho Danh sắc của các hữu tình đồng khởi, hai là cùng với Lão tử làm duyên. Như vậy các chi đều có hai nghiệp, chính nghiệp thứ hai kia tức là nghiệp dụng này.

Từ trên đến đây chính là chỗ nói ba thứ duyên, và nghiệp trong mỗi mỗi duyên đều riêng sinh cảnh”, tức là nghiệp thứ nhất. Luận kia nói Lão tử cũng có hai nghiệp: một là khiến cho thời phân biến dị của hữu tình hoại giảm ít. Hai là khiến cho thọ mạng biến dị của hữu tình hoại thọ mạng. Trong đây chỉ nói chi trước và chi sau làm duyên, không có Lão tử làm duyên, cũng không trái nhau.

7. Thứ bảy, giải thích kinh. Đây có cho nên kia có... bốn câu:

a. Hiển Vô tác duyên sinh, chỉ so hữu duyên mà quả pháp được có, không phải duyên thật có tác dụng có thể sinh quả pháp, cho nên nói

nghĩa do chưa đoạn duyên mà các duyên khác được sinh.

b. Hiện Vô thường duyên sinh, không phải Vô sinh pháp làm nhân, ít phần sở sinh pháp mà được thành lập. Hai loại sau hiển nghĩa của Thế dụng duyên sinh.

c. Tuy các pháp trở lại không có tác dụng.

d. Tuy các pháp trở lại vô thường, nhưng không tùy theo một pháp nào để làm duyên. Tất cả quả sinh vì công năng sai biệt của các pháp cho nên nói như vậy. Hoặc câu thứ nhất là phá Tác dụng duyên sinh, câu thứ hai phá Thường trụ duyên sinh, câu thứ ba hiển Thế dụng duyên sinh, câu thứ tư phá Duyên sinh bất bình đẳng, người làm mà ta thọ quả.

8. Thứ tám, trong bốn câu phân biệt, không phải hẳn là chi, vì nói khắp các chi kia. “Vô minh là câu thứ nhất”, không nói biệt báo nghiệp quả Hữu phú vô ký, vì lược bỏ. “Câu thứ hai”, không nói Thức Hữu phú vô ký cũng vậy. “Hoặc hữu là Ái và Phi ái, không phải Thọ làm duyên, là mong cầu Thắng giải thoát và nương vào Thiện ái mà xả các Ái khác”, loại Thiện pháp dục gọi là cầu giải thoát ái. “Tất cả Thiện ái chán xả tham ái”, không phải thuận với Ái thọ làm duyên mà sinh, vì phi ái đồng thời và trước kia không có Thọ, vì không có thuận Ái và Thọ. Nói không phải làm duyên cũng không trái nhau. Đúng ra trong đây phải thuận với câu sau, những người có Ái đó, chắc chắn duyên Thọ mà sinh. Có Thọ làm duyên mà không phải là Thọ, là các chi sau.

9. Thứ chín, “Vô minh và chỗ khởi ý hạnh kia, hoặc một phần hữu...” là mười hai chi của nó đều chương Chánh kiến, Chánh tư duy... ở đây nói Thắng chương, chỉ nói Vô minh và nhiệm ý hành, đều là ý hành có chương Chánh kiến... thân hành, ngữ hành, và sắc có một phần chương Chánh ngữ.

“Ngoài Chánh niệm Chánh định của nó ra, Hữu chi làm Thắng chương”, là trừ toàn phần Vô minh, Hành và một phần Hữu, một phần ít chín chi còn lại, thì chương Chánh niệm và Chánh định, hiện tại nói “còn lại” là toàn nói chín chi. Ở đây có hai giải thích:

1. Do ba chi trước mà nói Chánh tuệ thân và Giới thân, còn lại tướng của chín chi, từ tổng mà gọi là chương Chánh định, đúng ra chỉ nên nói hai chi Ái và Thọ chương Ly dục đạo, Chánh niệm và Chánh định.

2. Định thân là tâm học. Thức chi là Tâm. Danh sắc, sáu Xứ, Sinh, Lão tử, đều có tâm thể cho nên chương Định thân, hai chi Xúc và Thọ là Tâm sở, Hữu là gồm Sắc trong Danh và năm xứ trước (nhãn nhĩ tỷ thiệt



thân) Từ Thức mà tổng nói chương Chánh định thân, hai chi Ái và Thủ chương Ly dục đạo, chánh chương Định thân.

Luận này nói Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn làm Tuệ học; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng làm Giới học; Chánh niệm, Chánh định làm Định học. Thành Duy Thức ghi: “Trong sáu ba-la-mật nhiếp nhau với Tam học”, hoặc nói: “Tinh tấn có ba thứ nhiếp khắp ba thứ cần sách”. Hoặc y theo mối học mà làm luận, cho nên nói: “Tinh tấn chỉ có giới”, vì thủ hộ giới. Hiện tại y theo chỗ lâu thành, lấy tinh tấn trợ giúp thành Kiến thù thắng, chỉ có Tuệ thân, vì Chánh niệm thuận sinh Chánh định chi, cho nên thuộc Định học, vì do niệm nhớ rõ mà khiến tâm chuyên chú.

10. Thứ mười, “có bốn chi chỉ có Tạp nhiễm phẩm”, là Vô minh, Ái, Thủ và Thức, vì tâm điên đảo, tức là Chủng tử của Thức do nghiệp huân tập, hoặc chi thứ tư là Lão tử chi trong Lão tử vị, không thể tu học cho nên gọi là nhiễm. Thức... năm chi, căn cứ theo Sinh chi mà nói thì những chi này là sáu chi, thật ra không phải nhiễm hay tịnh, tùy theo tổng nghiệp quả hay biệt nghiệp quả mà được tên Nhân. Thành Duy Thức luận ghi: “có ba chi chỉ là Nhiễm, vì tánh của phiền não. Có bảy chi chỉ có Bất nhiễm, vì quả của Dị thực”. Hợp văn này nói: “Trong bảy phần vị, dung chứa khởi nhiễm ô, mượn nói đạo có hai thứ, còn lại thì thông với hai chủng, cho nên các chi này chỉ có nhiễm, nói là bốn chi, hoặc Thức hoặc Lão tử, giả được tên nhiễm”. Duy thức luận căn cứ theo thật thì cũng không trái.

11. Thứ mười một, trong “những gì là Vô minh không có? Có ba chủng là phát khởi, Triền và Tùy miên vô minh”. Phát khởi, là phát nghiệp Vô minh. Nghiệp này tương ứng thông với Bất cộng triền, là Nhuận sinh vô minh, phần nhiều chỉ có tương ứng. Hai thứ này đồng thời hiện hành, chỗ huân thành chủng gọi là Tùy miên vô minh. Từ Phát hành vô minh mà lấy tất cả Vô minh làm Căn bản, trong đây nói chung Nhuận sinh vô minh. Lại nữa, Hành tương đương với Hữu chi, Vô minh tương đương với Ái thủ, cho nên ở đây nói chung. Lại nữa, ba loại này phát khởi làm tổng, trong đây có hai loại là Triền và Tùy miên, vì tổng và biệt hợp chung lại luận, cho nên nói là ba chủng. Thể của phát khởi tương ứng với Bất cộng, tức là bốn chủng làm ba chủng, vì ba chủng này diệt chung, bốn chủng kia thì Phát hành diệt riêng Vô minh, Vô minh kia diệt thì Hành diệt. Giải thích này nói chung phát tất cả Vô minh của Hành, nếu không như thế thì Nhuận sinh vô minh chưa diệt, tại sao phát hành tức là diệt? Lại có ba chủng phát khởi Tùy miên Vô minh của

Triền: một là có thể phát khởi Triền, hai là có thể phát khởi Tương ứng, ba là có thể phát khởi Bất cộng. Ba chủng này đều là Triền. Triền thứ nhất là tổng, hai Triền sau là biệt, cho nên phát khởi Tùy miên vô minh của Hiện hành này có ba thứ, do ba thứ này mà Tùy miên vô minh diệt, cho nên Vô minh hiện tại diệt, Hiện hành vô minh kia diệt, Hiện hành vô minh diệt cho nên Hành diệt. Lại nữa, có thứ, là ba cõi. Trong ba cõi, vì Tùy miên vô minh của Phát khởi triền hiện tại diệt cho nên Vô minh hiện tại diệt, Vô minh hiện tại diệt cho nên tất cả Hành diệt. Vô minh làm đầu, chỉ nói ba cõi.

Trong Hành, đã làm Hành chưa diệt trong tự tương tục, là ý hành. “Lại do ý hành mà khởi thân hành và ngữ hành”, hai hành thân ngữ, do ba Hành này cho nên có Thức.

“Hành kia duyên Thức cho nên Thức cũng không có...”, là Chủng tử thức lấy Hành làm duyên, vì Hành không có cho nên Chủng tử thức không có, Hành nếu toàn không thì Thức của nó cũng không, hoặc Chủng tử thức này toàn không thì thức hiện tiền cũng không.

“Những gì là Thọ không có cho nên Ái không có, cho đến đạo lý của Gia hạnh duyên Thức”, đây là hỏi rằng: Thọ là quả, Ái là phiền não, Hành là nghiệp, Thức là quả, hoàn toàn không tương tự, tại sao đồng loại? Đáp: Hành cùng với Thức vì quả nghiệp khác nhau cho nên khác tánh mà mong nhau. Hiện tại thọ cùng với Ái quả tuy khác tánh riêng biệt nhưng cũng đồng cho nên nói không có riêng khác, như từ Nghiệp sinh Dị thực, Dị thực sinh Phiền não làm đồng loại, nghĩa không trái nhau.

12. Thứ mười hai, “trong tám môn Duyên khởi nhiếp nhau, có ba môn là Sở hiển kia”, là tổng.

“Trong ba môn này, có hai môn là một phần Sở hiển, là Nội thức sinh môn và Tự nghiệp sở tác môn”. Nội thức sinh môn, là Thức dựa vào căn mà khởi, là các Thức đó làm thể môn. Tự nghiệp sở tác môn, là nghiệp chiêu cảm Dị thực, chỉ có biệt báo cho nên chỉ nói một phần. Duyên sinh, có ba thứ: 1. Tự tánh duyên sinh, là Dị thực thức thứ tám, vì duyên sinh tự tánh. 2. Thọ dụng duyên sinh, là thân của sáu Thức, vì thọ dụng cảnh giới. 3. Ái phi ái đạo duyên sinh, là mười hai chi. Thức sinh môn của nó nương vào căn duyên cảnh, chợt tương tự Thọ dụng duyên sinh; Tự nghiệp sở tác môn chợt tương tự Tự tánh duyên sinh, có một môn toàn phần là Ái phi ái đạo. Ngoài ra lúa mạ thành thực, khí thể gian, các nhậm trì khác, ba thứ đều là khí vật bên ngoài, không phải là Thể của duyên sinh, uy thế của thanh tịnh trái nhau với duyên sinh,

cho nên cũng không nhiếp. Tuy giải thoát phần thiện... gọi là Thanh tịnh môn, cùng Lưu chuyển làm nghịch hại duyên, cũng không phải thuận ích cho nên không nhiếp, vì nghịch lưu chuyển, như kinh duyên khởi nói.

13. Thứ mười ba, có năm thứ tội lỗi: một là ngã kiến làm gốc. Do đây mà khởi tam tế Đoạn thường, cùng với Tà kiến làm ba thứ tội lỗi nữa. Trong sáu mươi hai Kiến, tùy chỗ thích ứng của nó duyên tam tế mà khởi Thường kiến, Đoạn kiến và Tà kiến, cho nên lỗi thứ năm tức là sáu mươi hai Kiến này, mạnh mẽ chấp chặt nó làm thù thắng. Sự Niết-bàn hiện tại không chứng đắc, tức là Kiến thủ, hoặc là Tà kiến. Ngũ hiện Niết-bàn luận, năm lỗi này là khởi bốn Kiến, chỉ trừ giới thủ.

14. Thứ mười bốn, có chín thật ba giả, giả là ba chi sau. Thành Duy Thức ghi: “Sáu chi đã nhuận hợp chung làm Hữu, tức là Thức... năm chi, ba tướng vị riêng biệt, gọi là Sinh... Hạ phẩm gọi là Ái, thượng phẩm gọi là Thủ, cho nên đều là thật.

15. Thứ mười lăm, có năm chi chỉ có một sự, các chi còn lại không phải một sự, luận kia nói năm chi là Vô minh, Thức, Xúc, Thọ và Ái.

16. Thứ mười sáu, “có một chi là nhân Sở tri chướng”, trước có nói hoặc nghiệp khổ nhiếp mười hai chi, phân rõ mười hai chi đều là Phiền não chướng đã nói xong. Phật Địa luận ghi: “Hoặc một trăm hai mươi tám phiền não... hoặc chỗ phát nghiệp, hoặc chỗ chứng đắc quả, đều là Phiền não chướng, cho nên không hỏi điều này, chỉ hỏi Sở tri chướng, tức là Vô minh. Vô minh làm nhân của pháp chấp Vô ký tuệ, gọi là nhân Sở tri chướng, đúng ra Sở tri chướng và Phiền não chướng do Vô minh làm nhân. Duy Thức ghi: “Các chướng kia thật ra lấy Vô minh này làm Sở y”. Hiện tại luận này nói là Phát nghiệp vô minh mê lý tăng thượng, vì các chướng kia là đồng thời có, là Trí nhân chướng cũng không trái nghịch. Lại nữa, do vô minh này phát nghiệp chiêu cảm sinh cho nên các Sở tri chướng sau triển chuyển sinh thêm, Vô minh là gốc, chỉ nói làm nhân.

17. Thứ mười bảy, có năm thứ hay sinh khổ, là Vô minh, Hành, Ái, Thủ và Hữu. Thai tạng khổ, là năm Chủng tử của Thức...

18. Thứ mười tám, “sáu chi trước cùng với Ái, Thủ, Hữu làm Nhân phần...”, là do Thọ làm quả, phát nhuận sinh hoặc, làm địa vị của nhân. Nói từ Xúc sinh, hai tế đã khác nhau cho nên chỉ gọi là Tạp, lại làm quả trong đương sinh, làm nhân tại Chủng tử, hai tế đã có khác, thì tha sinh hay sinh tha cũng khác. Các chi còn lại thì không như vậy, đều là thuần nhân quả, y theo gốc ngọn mà phân rõ nhân quả.

19. Thứ mười chín, “nói sáu chi trước có thể sinh các quả trước...”, là cảnh giới của Ái và Phi ái, duyên cảnh giới này mà thọ, gọi đó là quả. Do cảnh giới của Ái phi ái làm Sở duyên duyên mà sinh Năng duyên thọ, cho nên Thọ gọi là quả. Nói rằng sáu chi trước làm nhân có thể sinh Thọ quả này, vì Thọ cảnh kia mà khởi sáu chi trước. Nói rằng Hành và Thọ làm nhân, thì Vô minh có thể phát nhân, Thức, Danh sắc. Sáu Xứ và Thọ làm Sở y thì Xúc có thể sinh Thọ, tùy chỗ thích ứng của nó mà nói Năng sinh. Ba chi Ái, Thủ, Hữu của nó do Năng nhuần và Sở nhuần làm nhân, có thể sinh quả thể của năm nẻo, chỉ có một chi thọ có thể sinh hai quả, là Hiện thọ chủng đã bị thối nhuần rồi, có thể sinh Hiện hành thọ, gọi là sinh tiền quả. Chỗ dẫn phát Chủng tử của Hành, sinh tự thể vị lai, gọi là sinh hậu quả, hoặc sát-na trước sau tự loại tương sinh, gọi là sinh sơ quả, tại Chủng tử chưa nhuần, làm dẫn nhân xa, sinh ra Sinh và Lão tử trong đời tương lai, gọi là sinh hậu quả.

20. Thứ hai mươi, “Lạc đồng thời với Hành trừ hai chỗ còn lại...”, Duy Thức ghi: “Mười Lạc và Xả đồng thời, Thọ không tương ưng với Thọ”. Trong Lão tử vị, phần nhiều không có Lạc và dung chứa Xả, cho nên mười một Khổ đồng thời, không phải Thọ đồng thời. Lão tử phần nhiều là Khổ cho nên nói mười một Khổ, thể Chủng tử của nó nương vào vị tương lai đồng thời, như Hữu chi... chủng cùng với chủng đồng thời, đều như lý mà suy nghĩ, đều là đồng thời có.

21. Thứ hai mươi mốt, “nói Lạc thọ đồng thời với Hành chi và Phi thọ đồng thời với một phần Hành chi là Hoại khổ nhiếp...”, là luận kia nói: “Mười một phần ít là chỗ nhiếp của Hoại khổ, trong Lão tử vị phần nhiều không có Lạc thọ, nương vào Lạc mà lập hoại cho nên không nói nó”. Đây là không phải Thọ chi đồng thời với một phần của Hành chi, là đồng thời với Lạc thọ, đây là nương vào Lạc mà lập Hoại, cho nên nói một phần. Mười hai phần ít là chỗ nhiếp của Khổ khổ, vì trong tất cả chi đều có Khổ thọ, nương vào Khổ thọ mà lập Khổ khổ, cho nên nói một phần. Mười hai toàn phần là chỗ Hành khổ nhiếp, vì các pháp Hữu lậu đều là Hành khổ. Nương vào Xả thọ mà nói mười một phần ít, trừ Lão tử chi ra thì Bất khổ bất lạc trước đồng thời với Hành chỉ có mười chi. Hiện tại thêm các chi không đồng thời với Thọ, cho nên nói mười một phần ít, như thật nghĩa nói trên. Như vậy trong nghĩa của chư Thánh tùy theo tướng kia tăng mà chỗ nói không nhất định, là hai văn của kinh Duyên Khởi và kinh Thập Địa có khác nhau, như Duy Thức sơ quyển 8 nói.

22. Thứ hai mươi hai, “Diệt tận định, Vô tướng định và Hữu sắc

chi của Vô tướng thiên có thể đắc...”, đây là nương vào sáu Thức mà nói không có Phi sắc chi. Tùy chuyển Tát-bà-đa lý môn không phải thật lý, tông kia cũng nói Thủy miên không phải vô tâm. Cõi Vô sắc cũng vậy, nương vào chân thật nghĩa tại cõi Hữu sắc mà các chi đều là toàn phần. Trong cõi Vô sắc chỉ trừ hiện sắc, cho nên quyển trước nói, tại cõi Vô sắc, Thức nương vào sắc chủng.

23. Thứ hai mươi ba, nói “nương vào các chi của Địa trên mà lìa các chi của Địa dưới”, đây là các chi chỉ có một phần. Luận kia ghi: “Hành chi của Địa cõi trên có thể chế phục Địa cõi dưới”, tức là sáu thứ hành tướng của thô khổ... có tâm sinh lên cõi trên mà khởi thô khổ kia, chỉ có Địa cõi trên mới khởi, không có chi nào khác, cũng không phải Hành toàn phần, cho nên nói một phần.

24. Thứ hai mươi bốn, “có ba thứ nhiễm, còn lại hai chủng khác...”, luận kia ghi: “Vô minh, Ái, Thủ chỉ thông với Bất thiện Hữu phú vô ký”, tức là ba thứ nhiễm này. Môn thứ tư ở trước, nói bốn tạp nhiễm, ở đây nói có ba nhiễm, ở đây là thật, ở trước là giả, nghĩa khác nhau cho nên trong bất thiện của nó thông với Nhiễm và Vô phú vô ký. Luận kia ghi: “Hành chỉ có thiện và ác, Hữu thì thông với thiện, ác và Vô phú vô ký”. Trong bảy phần vị cũng khởi thiện nhiễm cho nên gọi là thông với hai thiện ác, đây là thật Vô ký nương vào đương sinh cho nên không có lỗi.

25. Thứ hai mươi lăm, “cõi Dục thì có tất cả, các cõi trên thì có một phần...”, luận kia ghi: “Tuy đều thông trong ba cõi, nhưng có ít phần và toàn phần. Cõi Dục có hai tánh; Vô minh, Hành, Ái, Thủ có ba tánh, một nghiệp bảy quả. Cõi trên chỉ có một tánh, Vô minh, Hành, Ái, Thủ, có hai tánh, một nghiệp bảy quả, cho nên nói một phần.

26. Thứ hai mươi sáu, “tất cả đều chỉ có Phi học Phi vô học...”, đây là lấy sau khi nhập Thánh mới thành học, các Dị sinh vị đều là Phi học. Trong quyển 9 trước, học nghiệp nghĩa là hoặc Dị sinh học, hoặc Phi dị sinh học trong tương tục. Tất cả thiện nghiệp, như Đối Pháp luận quyển 4 ghi: “Người cầu giải thoát, có thiện pháp, đó là nghĩa Hữu học”. Trong đây nương vào Chứng thắng học, cũng không trái nhau. Duy Thức ghi: “Bậc Thánh, là chỗ khởi Hữu lậu thiện nghiệp, Vô minh làm duyên, trái với Hữu chi, không phải Hữu chi nhiếp”. Do đây nên biết bậc Thánh thì không tạo tác chiêu cảm nghiệp Hậu hữu, đối với quả khổ sau không mê cầu, tạp tu Tĩnh lự, nương nhờ nghiệp cũ cõi dưới mà sinh Tịnh cư. Đối với lý không trái nghịch, tức là muốn nói Dị sinh thuận Giải thoát phần, thuận Quyết trạch phần, có thể chiêu cảm Dẫn quả, đều thuộc về

Hữu chi. Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: “Ngoại pháp dị sinh, có bốn thứ Vô minh làm duyên sinh Phước hạnh, Phi phước hạnh và Bất động hạnh. Nội pháp dị sinh, nếu người phóng dật thì người đó trừ đi một thứ Bất cộng vô minh, các Vô minh còn lại dẫn phát phóng dật làm duyên sinh Hành. Nội pháp dị sinh, nếu người phóng dật cần siêng tu học, và Thánh hữu học, thì ba thứ Vô minh dẫn phát vong niệm làm duyên Phi phước”. Nhưng Vô minh này không thể chiêu cảm ba nẻo ác, vì đây là Phi phước, tôi không thể nói là Vô minh duyên Hành, chỉ có ý muốn nói Dị sinh bất phóng dật và Phi phước của bậc Thánh chỉ chiêu cảm quả Dị thực riêng của trời người, không chiêu cảm quả Dị thực chung của nẻo ác. Đã không phải Hành chi cho nên không nói phi phước này lấy Vô minh chi làm duyên. Kinh kia lại ghi: “Bất cộng vô minh và Nội pháp dị sinh tuy không phóng dật, nhưng người tu học cũng chưa có thể đoạn, chư Thánh hữu học phải biết là đã vĩnh viễn đoạn. Lại nữa, bất phóng dật nội pháp dị sinh, nếu tạo Phước hạnh và Bất động hạnh, thì đó là chỗ dẫn phát chánh pháp như lý tác ý tương ưng thiện tâm, giải thoát làm chỗ y, hồi hướng giải thoát mà dẫn phát. Tuy đối với nẻo thiện chiêu cảm sinh thù thắng, nhưng không phải Vô minh khởi Tăng thượng duyên, mà làm cho Vô minh kia đoạn Tăng thượng duyên”. Đây là muốn nói Dị sinh kiến đạo trở về trước, tuy do ba thứ Vô minh và Bất cộng chủng phát Phước hạnh và Bất động hạnh chiêu cảm quả Dị thực chung của trời người, không cùng với Vô minh khởi Tăng thượng duyên, vì rốt ráo diệt. Không phải do ba thứ Vô minh... thân cận với Sở dẫn phát, do Chủng tử của nó còn, hoặc vì xa Năng phát, cũng không ngăn Vô minh duyên Phước hạnh và Bất động hạnh, chỉ ngăn Phi phước hạnh kia. Vì lấy Vô minh làm duyên, cho nên kinh kia chỉ nói chư Thánh hữu học đã vĩnh viễn đoạn Bất cộng vô minh, không tạo tác nghiệp mới. Sau thiện pháp dục của nó là Dị sinh thân thiện Hữu lậu chi, vì đọa vào lưu chuyển, đã không phải là học, cho nên có thể chiêu cảm Sinh, và Duyên khởi chi nhiếp.

27. Thứ hai mươi bảy, “quả Dự lưu đoạn một phần trong tất cả, không đoạn toàn phần...”, Thành Duy Thức ghi: “Có nghĩa là Vô minh chỉ có Kiến sở đoạn, phải mê Đế lý mới có thể phát Hành, vì bậc Thánh thì không tạo nghiệp Hậu hữu, hai chi Ái và Thủ chỉ có Tu sở đoạn, vì tham cầu đang có mà nhuận sinh. Tâm của chín loại mạng chung, câu sinh Ái đồng thời, còn lại chín loại đều thông với Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn”. Đây là nói tất cả người đã đoạn Dự lưu, dựa vào phần nhiều mà nói, không phải Ái chi và Thủ chi cũng là Kiến sở đoạn. Sư này nói Thủ



tức là Ái tăng thượng, vì chỉ có Tu đoạn. “Có nghĩa là tất cả đều thông với hai Đoạn”, là nói rộng.

“Ba chi Vô minh, Ái, Thủ, cũng thông với Sở đoạn của Kiến và Tu, nhưng Vô minh chi là chánh phát khởi Hành”, là chỉ có Kiến sở đoạn. Trợ là bất định. “Hai chi Ái Thủ chánh nhuận sinh”, là chỉ có Tu sở đoạn, Trợ là bất định. Lại nữa, pháp nhiệm ô thì tự tánh phải Đoạn. Pháp Phi nhiệm ô có hai nghĩa gọi là đoạn là lìa trói buộc và không sinh. Nói “mười chi thông với hai Đoạn”, phải biết đây là nói tất cả Đoạn thông với mười hai chi. Nói “một phần”, hoặc nương vào tự tánh đoạn, phiền não và nghiệp của ba nẻo ác; hoặc nương vào bất sinh, gồm các quả của ba nẻo ác kia, mà nói Dự lưu đoạn, gọi là “một phần”.

Hai mươi bảy môn nói trên, môn thứ chín đã phân biệt Duyên khởi, môn thứ mười nhiếp thuộc trong các kinh, có mười lăm môn:

1. Sáu loại ngôn thuyết, thứ tự thuận nghịch, là Hữu lậu và Vô lậu đều có thuận nghịch, một phần và đầy đủ phần, như kinh Niết-bàn, Hữu sinh Bà-la-môn nói mười một chi, trừ Sinh mà muốn chờ thời cơ. Tuy cũng là một phần, nhưng không phải chỗ nói này. Chỗ nói này, là quán Hắc phẩm, đồng với Thức lùi trở lại, chỉ quán mười chi; hoặc Danh sắc nhập thai, chỉ quán chín chi, gọi là một phần chi; quán Bạch phẩm, mười hai chi đều quán, diệt đủ mười hai chi, gồm Tu diệt và Đạo kia, gọi là đầy đủ phần chi. Ngay một phần này gọi là Hắc phẩm, vì quán Khổ và Tập. Ngay đầy đủ phần này gọi là Bạch phẩm, vì quán Diệt và Đạo. Tập nhiễm và Thanh tịnh thì thuộc về Quán tâm, cho nên ở đây không nói.

2. Do mười thứ tương ứng biết duyên khởi sâu xa, là nghĩa Vô thường có sáu thứ, nghĩa Khổ là thứ bảy, nghĩa Không là thứ tám, nghĩa Vô ngã là thứ chín. Y theo Thắng nghĩa đế thì tự tánh của các pháp tuy bất khả thuyết, nhưng mà nói “tự tánh các pháp khả thuyết” là nghĩa thứ mười. Chín nghĩa trước y theo Thế tục đế mà an lập Sai biệt môn, một Thắng nghĩa đế sau là gương thi thiết Ngôn thuyết môn. Thứ nhất tuy tự chủng lực thù thắng, nhưng cũng chờ tha duyên, vì không phải tự ngã tạo tác. Thứ hai tuy Tha duyên lực thù thắng, nhưng cũng chờ tự chủng của nhân, vì không phải Phạm vương... tạo tác.

3. Tuy Chủng tử và Duyên sinh, mà chủng và duyên đối với sự sinh này không có tác, không có dụng, cũng không có vận chuyển, không phải như Ngã năng tạo tác của Thắng luận, vì pháp và phi pháp trong câu “lấy đức”, gồm cả nghĩa của Câu nghiệp. Trợ có thật dụng khiến cho quả pháp vận chuyển, cũng không phải như Tát-bà-đa có thật dụng



khiến cho quả pháp chuyển, hiện tại không có năng tác, cũng không có nghiệp dụng, quả tuy sinh sau, nhưng không thật có vận chuyển, cho nên cả hai đều sai.

4. Có công năng sinh, không phải là vô nhân.

5. Từng sát-na luôn luôn sinh khởi mới, không phải như chuyển biến có quả của Số luận.

6. Nhưng tự đứng dừng mà tướng vận động hiển hiện, không phải như một thời kỳ sinh diệt của Chánh Lượng bộ... Y theo nghĩa Khổ, là các pháp Hữu lậu, tánh hằng hành khổ, một vị không có tướng khác. Khi tướng tự có Khổ có Lạc... thật ra không có Lạc đó. Không có Khổ gián đoạn... y theo nghĩa Không, là nhân tánh mà lia đối với Ngã tác giả của Thắng luận, quả tánh lia đối với Ngã thọ giả thọ các Khổ của Số luận, nhưng giống như không lia. Nghĩa Vô ngã, là lia thể tướng Không của Ngã, lia dụng của Ngã, đó là hai thứ sai biệt. Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: “Đối với Khổ để lia thật Ngã, tánh gọi là Không”, là đối với Khổ để không phải tướng tánh của Ngã gọi là Vô ngã. Đối Pháp luận quyển 6 nói, cũng đồng với kinh, chỗ mong thì có sai biệt nhưng không trái nhau. Lại nữa, nghĩa Không này, lia Ngã thể tạo tác và thọ dụng thì không có nghĩa là Ngã, pháp thể không phải Ngã tướng, cũng đồng với kinh kia. Đây là nói không có Ngã tướng, chữ “không có” là “không phải”. Y theo Thắng nghĩa đế, thì duyên khởi tự tánh không thể nói năng, hiện tại nói Duyên khởi mà trở thành môn thứ mười. Y theo Đối Pháp luận có năm thứ sâu xa, là nhân sâu xa... cũng với luận này không đồng. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói mười lăm thứ sâu xa, năm loại đầu cùng đồng với Đối Pháp, mười loại sau có khác chút ít, như kinh luận kia nói.

Có ba Pháp trụ trí là Văn tuệ, Chân thật trí là Tư và Tu. Dị sinh như học mà quán thâm nghĩa. Hoặc pháp trụ trí, Dị sinh Văn tuệ, Chân thật trí và Thánh trí, là tam tuệ, hoặc là pháp trụ trí dị tánh thân trí. Chân thật trí thánh, là thân trí, vì trụ pháp của giáo... như thật nghĩa mà biết đó là hai thứ sai biệt.

Bốn trụ, là lấy văn cú vô đảo mà nói pháp tánh này. Văn cú Năng thuyết gọi là pháp trụ, cho nên pháp trụ này lấy pháp tánh làm nhân, do đó pháp tánh này gọi là pháp giới. Giới nghĩa là nhân, hoặc văn của luận này và kinh Bát-nhã... nói Chân như kia gọi là pháp trụ. Sở thuyết từ giáo gọi là pháp trụ, vì pháp trụ thể. Phải có pháp tánh mới làm giáo y, lấy thể làm nhân, lấy nghĩa gọi là quả. “Ngũ sinh nếu không có”, là Chung tử sinh Thức... năm chi. “Vô xứ, vô trụ, sinh có thể là có”,

là Hiện hành sinh. “Vị dụng trong hiện pháp của sáu Thức do Danh sắc làm duyên”, là Thức đối với sinh vị mượn Danh sắc mà khởi cho nên dụng làm duyên. “Vị dụng trong pháp sau thì Thức làm duyên”, là Danh sắc sắp sinh thì nương vào Thức mà khởi, đây là nói sắp sửa hiện thì lẫn nhau làm duyên, ảnh hưởng là do Danh sắc nương vào Thức, Thức tương lai sắp khởi thì cũng nương vào Danh sắc. Tại sao vậy? Sau sẽ tự trình bày giải thích lẫn nhau làm duyên.

7. “Quán Hắc phẩm chỉ có chí Thức chi...”, Khổ đế và Tập đế gọi là Hắc phẩm, Diệt đế và Đạo đế gọi là Bạch phẩm, là Hoàn diệt phẩm. Chuyển, nghĩa là lẫn nhau làm duyên mà khởi. Hoàn, là quán Tâm đến Thức, lùi về đến Lão tử, cho nên gọi là Chuyển hoàn, làm Diệt đạo quán cho nên nói là Hoàn diệt. Quán đó như quyển 93 và quyển trước giải thích. Thức sinh tử lưu chuyển làm duyên lẫn nhau với Danh sắc. Trong Hoàn diệt phẩm, Danh sắc không phải nhân Hoàn diệt của Thức, không do Danh sắc diệt Thức chi diệt theo, mà đều do Thức diệt thì Danh sắc mới diệt. Đến Thức không hoàn chuyển thì tiến lên quán Hành, cho đến Vô minh, Vô minh diệt cho nên Hành mới diệt theo, do đó bốn mươi bốn trí và bảy mươi bảy trí, quán của nó được thành lập. Vô minh về trước không có nhân của chi, cho nên cũng không nói bốn mươi tám trí.

8. “Sinh, là phi hữu”, là không phải tự tác và tha tác. Nếu có tự ngã tác thì Đại phạm... là tha tác, vì liền có sinh. “Vị duyên không có tác dụng”, là không phải đồng thời tạo tác. “Chỗ sinh của duyên lực”, là cũng không phải không có nhân để sinh, Đối Pháp luận ghi: “Các pháp không phải tự sinh, cũng không phải từ tha sinh, cũng không phải từ cộng sinh, cũng không phải không từ cả hai sinh ra. Tuy không có duyên tác dụng, nhưng có duyên công năng khả đắc. Phi tự sinh, là phá chấp ngã tác; phi tha sinh, là phá chấp nhân Bất bình đẳng sinh của Đại tự tại thiên... Phi cộng sinh, là phá nghĩa tác dụng của Tát-bà-đa; không phải vô nhân sinh, là phá Vô Nhân luận. Luận đó ghi: “Nếu lý của duyên khởi là không phải tự không phải tha”, khiến trừ hai câu cũng là rất sâu, hướng chi mất luôn cả bốn câu, cho nên duyên khởi rất là sâu xa. Trung luận ghi: “Các pháp không có tự tánh, cũng không phải từ tha sinh, không phải cộng, không phải vô nhân”, luận đó giải thích rằng: “Vị tự tánh không cho nên không tự tại, vì duyên tánh không cho nên không phải tha sinh, vì tự tha không cho nên không cộng sinh. Nếu pháp có Thể thì có thể nói hữu nhân và vô nhân, pháp tánh đã không thì làm sao được nói có hữu nhân hay vô nhân? Ba câu trước phá có nhân

duyên, câu thứ tư phá không nhân duyên. Hiện tại tông của luận này không phá nhân duyên do công năng mà sinh, chỉ phá tác dụng tự tha sinh bằng nhau và vô nhân sinh, không đồng với luận kia.

9. Hữu chi là nuôi dưỡng mầm khổ, vì nghiệp có năng dưỡng.

10. Hữu chi như chất keo dính, cũng nói nghiệp hữu.

11. Tất cả Khổ chi thuần Đại khổ tự, là quả sau, là Sinh và Lão tử gọi là Đại khổ tự.

12. Bảy môn trước gọi là có nhân pháp, các nhân khác lẫn nhau gọi là có nhân khổ, là Năng dẫn và Sở dẫn đều là Dẫn nhân, đương sinh lão tử gọi là Hữu nhân. Bảy chi là nhân pháp kia. Sinh lão tử gọi là Khổ của hữu nhân, vì có nhân đời trước. Ái Thủ Hữu ba chi, lân cận với hai chi Sinh Lão tử này, nương theo nhau gọi là Khổ, vì có pháp của Dẫn nhân trước. Đối Pháp luận ghi: “Là khi làm nhân thì có Năng dẫn và Sở dẫn, khi làm quả thì có Năng sinh và Sở sinh. Thực biến gọi là quả, cho nên Ái thủ hữu cũng lập tên quả, quả sắp thành thực biến chuyển thì Thực biến kia mới khởi”.

13. “Sở hiển của ba chi lậu tận”, là Vô minh, Ái, Thủ, vì là lậu pháp, đoạn dứt tận vị này gọi là Đoạn lậu sở hiển. Nếu khi ba chi này đoạn, thì các chi còn lại duyên với tận, không sinh trở lại nữa, gọi là Đoạn tận sở hiển, chỉ còn một chi Thọ, gọi là Thọ tận sở hiển.

14. Trong bảy mươi bảy trí, phần trả lời có ba đoạn: một là tổng đáp nguyên nhân lập trí, hai là hiển riêng nguyên nhân của các trí, ba là kết thành số để nêu bày. “Để hiển trí hữu nhân tạp nhiễm”, đây là tổng đáp, là quán các chi có nhân pháp của nó, là như Lão tử lấy Sinh làm nhân, cho đến Hành chi lấy Vô minh làm nhân, Vô minh thì lại không có nhân của nó, cho nên thành bảy mươi bảy. Duyên chỗ khởi trí của tạp nhiễm này gọi là trí tạp nhiễm, hoặc trí năng duyên tức là tạp nhiễm. “Lại nữa để hiển...”, có bốn chữ “lại nữa”:

Chữ “lại nữa” thứ nhất, hiển duyên hiện tại có hai trí, là duyên Sinh hiện tại mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh hiện tại mà có Lão tử, hiện tại tự thân thì tự nó tạo tác.

Chữ “lại nữa” thứ hai, hiển duyên quá khứ Lão tử có hai trí, là duyên Sinh quá khứ mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh quá khứ mà có Lão tử, quán đối với tiền tế từ vô thỉ đến nay, Lão tử đều lấy Sinh làm duyên.

Chữ “lại nữa” thứ ba, hiển duyên vị lai Lão tử có hai trí, là duyên Sinh vị lai mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh vị lai mà có Lão tử. Vị lai tuy chưa khởi, nhưng đã mang nghĩa tạp nhiễm hoàn diệt. Hiện

tại quán tạp nhiễm mà thành hai trí. Trong tam tế này, trí thứ nhất quán quả có nhân, hiển nguyên nhân của nó. Trí thứ hai này là quán quả có nhân không phải bất quyết định, phá vọng chấp bên ngoài, không phải Bất bình đẳng Vô nhân mà sinh.

Chữ “lại nữa” thứ tư, hiển quán chỗ không nhiếp pháp của chi, vì nghĩa biến tri của các Hữu lậu tuệ, tức là Pháp trụ trí, biết khắp duyên khởi giáo pháp trong ba đời, gọi là chỗ chi không nhiếp, lấy làm trí thứ bảy. Sáu chân thật trí trước, hợp với một pháp trụ và sáu chân thật cho nên thành bảy trí. Nếu y theo nghĩa này, thì trong thân của bậc Thánh cũng có Pháp trụ trí, trong thân của Di sinh cũng có Chân thật trí, vì đều khởi bảy trí quán, còn lại mười chi trước cũng vậy, cho nên thành bảy mươi bảy trí.

15. Bốn mươi bốn trí, vẫn có hai đoạn: 1. Thuyết minh trí. 2. Nhân theo đó giải thích Thức duyên Cảnh. Hiển riêng Thức thứ sáu có thể làm trí quán, tùy ở cõi nào đều có thể quán sát, vì hành tướng thông, là Lão tử khổ, Lão tử tập, Lão tử diệt, Lão tử thú hưởng diệt hạnh. Mười một chi sau đều quán như vậy, cho nên thành bốn mươi bốn trí, Di sinh thì tại ngang Thức quán lùi lại về trước.

“Nếu sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ các Địa cõi dưới của nó, tất cả hiện tiền như như tại cõi Dục”, đây là tùy thuận lý môn, ở tại hai cõi trên thì không khởi tất cả các Thức của Địa cõi dưới, như tại cõi Dục tương tự khởi ý thức của cõi trên, tất cả không có ngăn ngại. Văn thế đọc dài thì nghĩa đạo cũng xa.

Chân thật lý môn, trong hai cõi trên, trừ Thức chỉ riêng có tại Địa cõi dưới ra, còn lại ý thức của ba cõi đều được hiện tiền, vì nhuận sinh mà khởi. Đã thừa nhận hai định trở lên khởi Sơ thiền, thì Thức thân cũng phải thừa nhận Bồ-tát trong cõi Sắc khởi Tỷ thức và Thiệt thức của cõi Dục.

Trong Tạp nhiễm, đoạn lớn thứ hai thuyết minh có thể đối trừ tu sáu hiện quán, như Quyết Trạch phần, Duy Thức quyển 9, Đối Pháp quyển 13, Hiển Dương quyển 16, Nhiếp luận và Duy Thức sơ, giải thích nghĩa của các môn thể tánh thêm bớt v.v...

